

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 214/2025/DS-PT

Ngày 21 tháng 3 năm 2025

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 841/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2025/QĐPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Kim N, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Số B P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N:

Luật sư Nguyễn Minh T1 - Công ty L1 - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt)

Luật sư Trần Ngọc T2 - Công ty L1 - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt)

Địa chỉ: Số G, khóm M, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Trường Tiểu học A.

Người đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học A: Ông Cao Văn K -
Chức vụ: Hiệu trưởng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N1 - Chức vụ: Chủ tịch
Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Lê Minh T3 - Chức vụ: Chủ tịch
Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt)

Địa chỉ: Số H Quốc lộ H, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Phó Chủ tịch (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

5. Chị Phan Thị Bé H1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. Anh Phan Văn M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Chị Phan Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

8. Chị Phan Thị Kim H2, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

9. Chị Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

10. Chị Phan Thị Bé C, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Phan Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Phan Thị Kim N, người đại diện hợp pháp anh Lê Văn T trình bày:*

Ông Phan Văn T4 là cha của chị N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 7.374m², thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 6.

Khoảng năm 1995, Phòng Giáo dục huyện C, tỉnh Đồng Tháp có gặp ông Phan Văn T4 trình bày, Phòng giáo dục thiếu trường học cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa, khó khăn, nên xin mượn một phần đất diện tích đất có chiều ngang 19m, dài 35m, sau này có quỹ đất sẽ trả lại. Ông T4 thấy các em nhỏ ở quê thiếu Trường học, nên đồng ý cho Phòng Giáo dục huyện C mượn đất xây dựng Trường Tiểu học A trên diện tích đất của ông T4 thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 6.

Sau khi xây dựng trường xong Phòng Giáo dục cử người đến thương lượng để ông T4 bán luôn phần đất, nhưng ông T4 không đồng ý mà chỉ cho T5 sử dụng khi nào không sử dụng nữa thì trả lại đất. Đến năm 2010, Trường Tiểu học A đã xuống cấp không còn sử dụng đến nay.

Nay, chị Phan Thị Kim N yêu cầu:

- Trường tiểu học A trả lại diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²) thể hiện từ các mốc 1-2- 3- 4- 5- 6 - 7 - 1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, cho gia đình chị Phan Thị Kim N.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 187, tờ bản đồ 6, diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²) thể hiện từ các mốc 1-2- 3- 4- 5-6-7-1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, mục đích sử dụng đất giáo dục, được UBND tỉnh Đ cấp ngày 20/6/1995.

- Công nhận toàn bộ diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²) thể hiện từ các mốc 1-2- 3- 4- 5- 6-7-1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, thuộc thửa số 187, tờ

bản đồ 6, mục đích sử dụng đất giáo dục cho gia đình chị Phan Thị Kim N và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình chị Phan Thị Kim N.

Đối với các cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn Trường Tiểu học A-Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn K trình bày:*

Trường Tiểu học A (điểm phụ) được xây dựng trên thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299), đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 875m², mục đích sử dụng: Đất giáo dục, cấp ngày 20/6/1995. Do điểm trường này đã không còn sử dụng để dạy học nữa. Nay chị Phan Kim N yêu cầu Trường tiểu học A có trách nhiệm tháo dỡ công trình kiến trúc xây dựng trả lại diện tích đất trên cho gia đình chị N. Đất Trường Tiểu học A được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, nếu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng ý trả lại cho gia đình chị N thì ông K đại diện T5 cũng đồng ý.

Đối với các cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất tranh chấp không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:*

Ngày 16/5/1995, Trường Tiểu học A có đơn xin Đăng ký quyền sử dụng ruộng đất, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6, diện tích 600m², mục đích sử dụng: Đất chuyên dùng khác, được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận xét duyệt. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học A thì diện tích đất được cấp có nguồn gốc của ông Phan Văn T4 tự nguyện hiến cho Nhà nước để xây dựng Trường học vào năm 1985 và việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học A là đúng theo quy định tại Chỉ thị số 68/CT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về một số việc cần tiếp tục thực hiện để thi hành Luật đất đai, Quyết định số 201 QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của T6 ban hành quy định, về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay chị Phan Thị Kim N yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 187, tờ bản đồ 6, diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²), thể hiện từ các mốc 1- 2 - 3 - 4 - 5 - 6- 7 - 1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, mục đích sử dụng

đất giáo dục, được UBND tỉnh Đ cấp ngày 20/6/1995, để công nhận cho gia đình chị N là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

* Ủy ban nhân dân huyện C vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp ông Trần Văn H trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông Phan Văn T4 tự nguyện hiến cho Nhà nước để xây dựng Trường học vào năm 1985, do UBND xã A là cơ quan thực hiện các thủ tục ban đầu, nên UBND xã đã làm thủ tục xác nhận xét duyệt để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường tiểu học A. Do là cơ quan trực thuộc, nếu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đồng ý trả lại cho gia đình chị Phan Thị Kim N thì UBND xã A sẽ thực hiện các thủ tục xác nhận, để gia đình chị N được cấp đất.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị D, chị Phan Thị Bé H1, anh Phan Văn M, chị Phan Thị L, chị Phan Thị Kim H2, chị Phan Thị Hồng Đ, chị Phan Thị Bé C, người đại diện là chị Phan Thị Kim N trình bày:*

Bà D, chị Bé H1, anh M, chị L, chị H2, chị Đ, chị B Chính thống nhất theo yêu cầu và lời trình bày của nguyên đơn và không có yêu cầu và trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim N, về việc yêu cầu Trường Tiểu học A trả lại phần đất có diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²), thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ 6, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6.

2. Trường Tiểu học A, được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²), thể hiện từ các mốc 1-2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ 6, mục đích đất cơ sở giáo dục đào tạo, do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Trường Tiểu học A 2 ngày 20/6/1995.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2024, Sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2024, nguyên đơn chị Phan Thị Kim N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giám định chữ ký của ông Phan Văn T4 trong biên bản vận động hiến đất vào năm 1985 có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã A đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án triệu tập hợp lệ, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giám định chữ ký của ông Phan Văn T4 trong biên bản vận động hiến đất vào năm 1985 có trong hồ sơ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án không có biên bản này nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu nêu trên của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 475m², thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc được xác định là của ông Phan Văn T4 là cha của chị Phan Thị Kim N.

[2.2] Theo chị N trình bày, vào năm 1995, Phòng Giáo dục huyện C mượn đất của ông T4 để xây dựng Trường Tiểu học A, khi cho mượn không có làm giấy tờ, sau này có quỹ đất sẽ trả lại. Hiện nay T5 không còn sử dụng nên chị N yêu cầu trả lại cho gia đình của chị N.

[2.3] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, đại diện Trường Tiểu học A xác định phần đất tranh chấp hiện nay T5 không còn hoạt động giảng dạy, đây là đất của Nhà nước cấp cho T5, nếu cơ quan Nhà nước đồng ý trả thì T5 cũng thống nhất.

[2.4] Xét thấy, chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh là ông T4 cho T5 mượn đất vào năm 1995 và khai nhận này cũng không được bị đơn thừa nhận. Theo Văn bản số 172/UBND-HC ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân xã A trả lời đơn cho chị N có nội dung: Năm 1984 Ủy ban nhân dân xã A đến vận động ông Phan Văn T4 là cha của chị Phan Thị Kim N, trưng dụng một phần diện tích đất của ông T4 để xây dựng Trường Tiểu học A 2 điểm phụ (kênh A), tạo điều kiện thuận lợi cho các em học sinh vùng sâu, vùng xa đến lớp. Qua vận động, ông T4 thống nhất giao một phần diện tích trên thửa đất của ông T4 để xây dựng trường học An Khánh 2, điểm phụ (kênh 19) và T5 xây dựng từ thời điểm đó.

[2.5] Mặt khác, theo Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 29/5/1995 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp thể hiện nội dung: Điểm kênh 19, đất của ông Phan Văn T4 tự nguyện hiến cho Nhà nước để cất trường học vào năm 1985 đến nay; Biên bản xác định vị trí đất ngày 25/5/1995 xác định: Nguồn gốc đất của ông Phan Văn T4 tự nguyện hiến cho Nhà nước để cất trường học vào năm 1985 và theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 16/5/1995 của Trường Tiểu học A và Sơ đồ vị trí đất ngày 22/5/1995, thể hiện thửa đất 187, tờ bản đồ số 6, diện tích 600m², loại đất CDK, đất của ông Phan Văn T4 hiến.

[2.6] Về phần đất của ông T4 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/7/1994, thửa đất số 191, diện tích 7.374m²

đất lúa. Phần đất của Trường Tiểu học A, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/6/1995, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6, đất CDK. Tại phiên tòa, chị N cho rằng phần đất của T5 nằm trong diện tích đất của ông T4 thuộc thửa đất số 191. Tuy nhiên, theo sơ đồ vị trí đất ngày 22/5/1995, khi T5 đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ông T4 ký tên thì thửa đất số 191 và thửa đất số 187 là 02 thửa đất khác nhau, nên trình bày này của chị N là không có cơ sở.

[2.7] Như vậy, qua các chứng cứ trên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp ông T4 đã hiến cho Nhà nước vào năm 1985 và khi ông T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1994 thì cũng không thể hiện có cấp thửa đất số 187 cho ông T4. Sau khi được cấp giấy chứng nhận, gia đình ông T4 không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận.

[2.8] Trong khi đó, phần đất tranh chấp, Trường Tiểu học A sử dụng ổn định từ năm 1985 cho đến nay và được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Công văn số 209/UBND-NCPC ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ xác định: Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học A thì diện tích đất được cấp có nguồn gốc của ông Phan Văn T4 tự nguyện hiến cho Nhà nước để xây dựng Trường học vào năm 1985 và việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học A là đúng theo quy định tại Chỉ thị số 68/CT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về một số việc cần tiếp tục thực hiện để thi hành Luật đất đai, Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của T6 ruộng đất ban hành quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, phần đất nêu trên Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cũng đã có phê duyệt sắp xếp giữ lại tiếp tục sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị N về việc buộc yêu cầu Trường Tiểu học A trả lại phần đất có diện tích 475m², thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6, đất tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở.

[2.9] Đối với các cây trồng, nhà tạm trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp hoặc yêu cầu di dời, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp..

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phan Thị Kim N phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phan Thị Kim N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Áp dụng Điều 236 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim N, về việc yêu cầu Trường Tiểu học A trả lại phần đất có diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²), thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ 6, đất tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 187, tờ bản đồ số 6.

2. Trường Tiểu học A, được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 875m² (đo đạc thực tế 475m²), thể hiện từ các mốc 1-2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 1, theo sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024, thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ 6, mục đích đất cơ sở giáo dục đào tạo, do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp cho Trường Tiểu học A 2 ngày 20/6/1995.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2024, Sơ đồ đo đạc ngày 18/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

3. Về chi phí tố tụng:

Chị N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng tổng cộng 5.666.150 đồng. Chị N đã nộp tạm ứng và đã chi xong

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Kim N phải chịu 33.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí của chị N là 3.281.250 đồng

đã nộp theo biên lai thu số 0003030, ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, được trừ vào tiền án phí. Chị N còn phải nộp 29.968.750 đồng.

4.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Phan Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003212 ngày 17/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy